

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quốc Dũng	Chủ tịch
Bà Tô Linh Hương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/7/2012)
Ông Lê Minh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Phan Đình Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Long	Ủy viên
Ông Bùi Anh Ninh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phí Mạnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/7/2012)
Ông Võ Trí Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/10/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013



Số: 33/2013/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần xây dựng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán dạng chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1687/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		802.563.495.706	832.884.156.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.427.826.111	16.633.501.113
1. Tiền	111		1.427.826.111	12.468.501.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.165.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		581.746.000	71.340.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.163.492.000	72.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(581.746.000)	(860.000.000)
III. Các khoản phải thu	130		391.498.770.186	409.192.063.822
1. Phải thu của khách hàng	131		180.889.872.047	205.095.746.893
2. Trả trước cho người bán	132		186.388.519.240	183.252.032.292
3. Các khoản phải thu khác	135	5	24.220.378.899	20.844.284.637
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	6	375.511.141.036	304.353.038.943
1. Hàng tồn kho	141		375.511.141.036	304.353.038.943
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.544.012.373	31.365.552.727
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		262.102.207	765.251.397
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.966.443.001	14.800.403.436
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.315.467.165	15.799.897.894
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		424.479.237.107	399.921.135.800
I. Tài sản cố định	220		59.961.161.490	69.345.380.243
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	57.765.835.855	67.137.773.227
- Nguyên giá	222		78.715.598.247	80.600.850.518
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.949.762.392)	(13.463.077.291)
2. Tài sản cố định vô hình	227		14.248.469	26.529.850
- Nguyên giá	228		106.000.000	93.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.751.531)	(67.070.150)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.181.077.166	2.181.077.166
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		276.686.729.102	228.286.729.102
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	69.760.000.000	69.360.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	9	206.926.729.102	158.926.729.102
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		87.831.346.515	102.289.026.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	87.831.346.515	102.289.026.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>1.227.042.732.813</u>	<u>1.232.805.292.405</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		945.414.694.014	907.463.653.688
I. Nợ ngắn hạn	310		763.567.279.976	707.191.800.121
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	319.904.581.305	308.808.413.034
2. Phải trả cho người bán	312		172.729.042.010	220.159.078.769
3. Người mua trả tiền trước	313		207.446.357.353	154.325.069.959
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.862.621.208	3.998.808.567
5. Phải trả người lao động	315		2.715.490.733	230.188.275
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	56.602.297.306	19.024.471.456
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		306.890.061	645.770.061
II. Nợ dài hạn	330		181.847.414.038	200.271.853.567
1. Phải trả dài hạn khác	333	14	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	9.424.394.065	22.941.416.606
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	92.423.019.973	97.330.436.961
B. NGUỒN VỐN	400		281.628.038.799	325.341.638.717
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	281.628.038.799	325.341.638.717
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.238.124.869	2.195.093.830
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.123.204.630	1.123.204.630
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(37.803.090.700)	6.953.540.257
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.227.042.732.813	1.232.805.292.405

Vũ Thị Xuân
 Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
 Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	283.688.679.978	666.222.132.991
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		283.688.679.978	666.222.132.991
4. Giá vốn hàng bán	11	19	275.313.094.042	612.310.549.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		8.375.585.936	53.911.582.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	12.041.931.559	28.246.748.622
7. Chi phí tài chính	22	22	49.023.474.220	58.427.853.425
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.650.475.251	54.716.934.312
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	17.804.099.867	21.676.623.575
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(46.410.056.592)	2.053.854.618
11. Thu nhập khác	31		10.464.106.440	5.286.400.548
12. Chi phí khác	32		7.509.649.766	6.131.978.586
13. Lợi nhuận khác	40		2.954.456.674	(845.578.038)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.455.599.918)	1.208.276.580
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	173.393.159
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(43.455.599.918)	1.034.883.421

Vũ Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ-B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(43.455.599.918)	1.208.276.580
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.300.498.871	7.526.115.855
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03	(278.254.000)	860.000.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.492.938.405)	(29.043.859.558)
- Chi phí lãi vay	06	48.650.475.251	54.716.934.312
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.724.181.799	35.267.467.189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.414.211.924	(23.866.246.134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(71.158.102.093)	(190.669.692.084)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không gồm lãi vay, thuế TNDN)	11	(12.877.781.412)	(4.945.452.890)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14.960.829.130	9.133.316.126
- Tiền lãi vay đã trả	13	(17.061.919.243)	(43.776.637.277)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.376.857.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(596.880.000)	(351.600.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(69.595.459.895)</i>	<i>(221.585.702.070)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.338.287.272)	(33.851.754.451)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.597.472.876	624.851.458
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.730.000.000)	(137.560.000.000)
7. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	123.366.508.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.914.945.559	10.798.026.152
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>34.810.639.163</i>	<i>(159.988.876.841)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	265.069.800.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	272.841.797.945	584.228.006.197
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(253.262.652.215)	(488.099.431.471)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>19.579.145.730</i>	<i>358.198.374.726</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.205.675.002)	(23.376.204.185)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		633.501.113	40.009.705.298
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		427.826.111	16.633.501.113



Vũ Thị Xuân
 Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
 Kế toán trưởng





Phan Đình Phong
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

